

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
SANEST KHÁNH HÒA**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	5 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10 - 11
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 36

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675916 thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 11 năm 2017 được cấp bởi Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ hai ngày 07 tháng 7 năm 2020 bởi Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa do thay đổi người đại diện theo pháp luật và ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : 0258 3865 666
- Fax : 0258 3865 664

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn thực phẩm (trừ đường mía và đường củ cải);
- Bán buôn đồ uống không cồn, rượu, bia;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đường mía và đường củ cải);
- Bán lẻ đồ uống không cồn, rượu, bia;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Khai thác tài nguyên yến sào;
- Nuôi chim yến;
- Thi công xây dựng nhà nuôi chim yến;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban quản lý, điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Đức Tiến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2020
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2017
Bà Bùi Thị Hạnh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2020
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2017
Bà Lê Thị Hồng Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2020
		Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2017
Bà Võ Thị Liễu Nhi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
		Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2017
Ông Đào Tuấn Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2017
Ông Lê Huỳnh Phụng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Hoàng Thị Ân Vũ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Minh Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2017
Bà Huỳnh Thị Trần Lê	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Lâm Diệu Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2018
		Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban quản lý, điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2017
Ông Lê Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2020
Ông Lê Huỳnh Phụng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2017
Bà Ngô Thị Hương Liên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Đức Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2020
Bà Bùi Thị Hạnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2020

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 28 tháng 7 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		425.391.643.551	397.462.856.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	106.338.398.531	14.597.647.970
1. Tiền	111		76.338.398.531	14.597.647.970
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.204.721.679	133.940.319.520
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	136.220.514.646	116.603.021.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	16.165.891.943	15.570.105.040
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.818.315.090	1.767.193.122
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		156.307.160.087	236.582.182.606
1. Hàng tồn kho	141	V.5	156.307.160.087	236.582.182.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.541.363.254	12.342.706.601
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	3.530.645.519	7.364.304.102
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.717.735	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	4.978.402.499
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		250.491.884.318	245.469.855.827
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		112.031.560.882	114.143.582.596
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	111.906.560.882	113.999.832.596
- Nguyên giá	222		244.831.011.249	241.602.897.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132.924.450.367)	(127.603.065.105)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	125.000.000	143.750.000
- Nguyên giá	228		467.777.779	467.777.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(342.777.779)	(324.027.779)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.201.128.257	17.862.454.666
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	23.201.128.257	17.862.454.666
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		23.003.028.211	13.636.733.831
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	23.003.028.211	13.636.733.831
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		92.256.166.968	99.827.084.734
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	92.256.166.968	99.827.084.734
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		675.883.527.869	642.932.712.524

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		224.196.638.153	225.732.090.917
I. Nợ ngắn hạn	310		214.431.362.100	219.459.838.917
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	150.257.022.925	154.713.404.105
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	588.549.382	2.028.647.720
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	9.913.258.165	941.885.153
4. Phải trả người lao động	314	V.14	6.792.739.454	9.609.970.510
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	2.600.664.889	1.760.523.196
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a,c	44.279.127.285	49.036.166.829
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	1.369.241.404
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.765.276.053	6.272.252.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b,c	9.765.276.053	6.272.252.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa




BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		451.686.889.716	417.200.621.607
I. Vốn chủ sở hữu	410		451.503.294.416	417.199.798.107
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	14.112.965.371	11.763.410.829
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	107.390.329.045	75.436.387.278
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		75.436.387.278	75.436.387.278
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		31.953.941.767	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		183.595.300	823.500
1. Nguồn kinh phí	431	V.18	183.595.300	823.500
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		675.883.527.869	642.932.712.524

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2020


Ngô Thị Hương Liên
Kế toán trưởng
Lê Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc
Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	317.636.962.996	510.661.248.745	807.477.160.937	1.035.217.519.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	157.108.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	317.636.962.996	510.661.248.745	807.320.052.937	1.035.217.519.123
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	250.913.185.981	411.474.647.929	637.234.385.482	831.853.937.491
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.723.777.015	99.186.600.816	170.085.667.455	203.363.581.632
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	440.698.900	47.451.980	453.459.802	100.087.524
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	474.344.731	834.548.906	1.215.526.635	1.597.025.061
Trong đó: chi phí lãi vay	23		473.659.742	684.470.153	1.214.841.646	1.445.421.330
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	31.543.081.531	49.965.143.202	84.216.919.917	98.586.211.182
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.198.506.523	13.806.751.239	27.205.894.013	34.168.570.825
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.948.543.130	34.627.609.449	57.900.786.692	69.111.862.088
11. Thu nhập khác	31	VI.7	15.873.850	7.640.000	838.076.852	27.640.000
12. Chi phí khác	32		-	21.654	-	145.383
13. Lợi nhuận khác	40		15.873.850	7.618.346	838.076.852	27.494.617
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.964.416.980	34.635.227.795	58.738.863.544	69.139.356.705
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	4.992.883.396	6.927.045.559	11.747.772.709	13.827.871.341
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>19.971.533.584</u>	<u>27.708.182.236</u>	<u>46.991.090.835</u>	<u>55.311.485.364</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9				

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Ngô Thị Hương Liên
Kế toán trưởngLê Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc
Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58.738.863.544	69.139.356.705
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7,8	5.340.135.262	10.454.946.474
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(453.350.535)	(47.649.259)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.214.841.646	1.445.421.330
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64.840.489.917	80.992.075.250
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(29.246.688.275)	(87.295.679.521)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.5	80.275.022.519	128.670.400.524
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.036.840.779)	13.958.174.299
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.6	11.404.576.349	(30.129.809.620)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.214.841.646)	(1.445.421.330)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(6.853.921.466)	(14.482.688.365)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		633.195.000	1.083.120.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.266.465.463)	(18.385.403.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		101.534.526.156	72.964.767.412
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.983.110.639)	(13.381.203.008)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	453.350.535	47.649.259
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.529.760.104)	(13.333.553.749)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

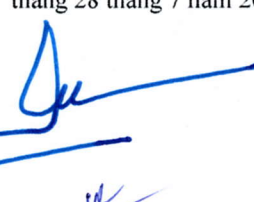
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	149.914.191.482	243.941.052.868
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(151.178.206.973)	(220.364.917.440)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17	-	(73.326.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.264.015.491)	(49.749.864.572)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		91.740.750.561	9.881.349.091
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14.597.647.970	27.102.166.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		106.338.398.531	36.983.515.580

Khánh Hòa, ngày tháng 28 tháng 7 năm 2020


Ngô Thị Hương Liên
Kế toán trưởng


Lê Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc


Lê Đức Tiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa có trụ sở chính tại số 9D Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 914 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 901 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, chi phí thúc đẩy doanh số và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ ngày Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thúc đẩy doanh số

Chi phí thúc đẩy doanh số được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	36.342.018	716.733.531
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.302.056.513	13.880.914.439
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	30.000.000.000	-
Cộng	<u>106.338.398.531</u>	<u>14.597.647.970</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>113.041.705.347</u>	<u>113.478.847.646</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	111.253.714.747	107.313.835.353
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	-	1.280.352.500
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	745.014.600	3.215.771.350

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	-	-	1.601.061.563	-
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	730.664.000	-	67.826.880	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du Lịch và Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa Lâm Đồng	312.312.000	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	23.178.809.299	-	3.124.173.712	-
Các khách hàng khác	23.178.809.299	-	3.124.173.712	-
Cộng	136.220.514.646	-	116.603.021.358	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Trả trước cho các bên liên quan	31.198.500	-	31.198.500	-
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	31.198.500	-	31.198.500	-
Trả trước cho người bán khác	16.134.693.443	-	15.538.906.540	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa	7.225.440.702	-	7.085.440.702	-
Công ty TNHH Thiết bị đóng gói Nhân Hòa	3.841.750.000	-	3.841.750.000	-
Các nhà cung cấp khác	5.067.502.741	-	4.611.715.838	-
Cộng	16.165.891.943	-	15.570.105.040	-

4. Phải thu ngắn hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Các khoản ký cược, ký quỹ	270.000.000	-	270.000.000	-
Tạm ứng	618.581.322	-	-	-
Phải thu Bảo hiểm và Thuế TNCN của người lao động	602.929.896	-	1.358.193.122	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.326.803.872	-	139.000.000	-
Cộng	6.818.315.090	-	1.767.193.122	-

5. Hàng tồn kho	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	69.172.001.253	-	40.557.969.909	-
Công cụ, dụng cụ	45.862.653.606	-	76.235.253.669	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.268.910.532	-	12.290.954.343	-
Thành phẩm	20.454.616.559	-	78.016.570.223	-
Hàng hóa	1.289.827.023	-	666.250.446	-
Hàng gửi đi bán	10.259.151.114	-	28.815.184.016	-
Cộng	156.307.160.087	-	236.582.182.606	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.689.455.542	2.929.305.708
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	315.220.000	1.280.980.000
Các chi phí khác	1.525.969.977	3.154.018.394
Cộng	<u>3.530.645.519</u>	<u>7.364.304.102</u>

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	689.498.476	989.255.489
Chi phí thuê mặt bằng	3.485.000.000	4.710.000.000
Chi phí thúc đẩy doanh số	18.196.604.187	21.938.861.720
Giá trị lợi thế kinh doanh	69.885.064.305	72.188.967.525
Cộng	<u>92.256.166.968</u>	<u>99.827.084.734</u>

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	104.175.231.229	117.166.965.111	9.682.639.445	439.561.819	10.138.500.097	241.602.897.701
Mua trong kỳ	-	1.180.152.946	1.110.354.545	-	937.606.057	3.228.113.548
Số cuối kỳ	<u>104.175.231.229</u>	<u>118.347.118.057</u>	<u>10.792.993.990</u>	<u>439.561.819</u>	<u>11.076.106.154</u>	<u>244.831.011.249</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	470.739.687	1.573.029.393	1.805.732.347	52.522.728	2.310.767.088	6.212.791.243
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	49.295.067.404	70.276.204.683	4.839.365.474	186.142.325	3.006.285.219	127.603.065.105
Khấu hao trong kỳ	2.028.852.025	2.789.109.523	250.867.682	32.253.258	220.302.774	5.321.385.262
Số cuối kỳ	<u>51.323.919.429</u>	<u>73.065.314.206</u>	<u>5.090.233.156</u>	<u>218.395.583</u>	<u>3.226.587.993</u>	<u>132.924.450.367</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	54.880.163.825	46.890.760.428	4.843.273.971	253.419.494	7.132.214.878	113.999.832.596
Số cuối kỳ	<u>52.851.311.800</u>	<u>45.281.803.851</u>	<u>5.702.760.834</u>	<u>221.166.236</u>	<u>7.849.518.161</u>	<u>111.906.560.882</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị có giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 40.556.731.660 VND đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.16a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	467.777.779	324.027.779	143.750.000
Khấu hao trong kỳ		18.750.000	
Số cuối kỳ	467.777.779	342.777.779	125.000.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	242.777.779		
Tạm thời chưa sử dụng			-
Đang chờ thanh lý			-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	5.482.279.456	25.700.000	5.507.979.456
Xây dựng cơ bản dở dang	12.380.175.210	5.058.573.591	17.438.748.801
- Công trình hệ thống xử lý nước thải 600m ³ /ngày đêm	7.259.209.545	1.520.927.273	8.780.136.818
- Công trình kho thành phẩm mới	3.366.673.773	-	3.366.673.773
- Công trình cải tạo kho thành phẩm	232.492.728	1.949.285.155	2.181.777.883
- Các công trình khác	1.521.799.164	1.588.361.163	3.110.160.327
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	254.400.000	254.400.000
Cộng	17.862.454.666	5.338.673.591	23.201.128.257

10. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	23.003.028.211	-	13.636.733.831	-
Cộng	23.003.028.211	-	13.636.733.831	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201853950 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2019 và điều chỉnh lần thứ nhất ngày 07 tháng 7 năm 2020, được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp 23.003.028.211 VND, số còn phải góp là 12.996.971.789 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa được thành lập và bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 16 tháng 7 năm 2019, tình hình kinh doanh kể từ khi thành lập không có biến động lớn.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch quan trọng với Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty bán thành phẩm, hàng hóa (chưa bao gồm thuế GTGT)	13.748.072.991	-
Góp vốn vào công ty con bằng khoản phải thu	9.366.294.380	-
Công ty chuyển chi phí thuê mặt bằng cho Công ty con (đã bao gồm thuế GTGT)	462.000.000	-
Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu (chưa bao gồm thuế GTGT)	18.178.565.050	-
Công ty thanh toán tiền mua hàng hóa, nguyên liệu	5.000.000.000	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>71.492.166.138</i>	<i>52.385.006.297</i>
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	18.928.356.140	10.941.507.395
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa	49.750.060.674	40.046.925.214
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	1.663.646.457	1.271.573.688
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	-	125.000.000
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	1.150.102.867	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>78.764.856.787</i>	<i>102.328.397.808</i>
Công ty Liên doanh TNHH Crow Sài Gòn	22.632.064.207	29.946.917.160
Các nhà cung cấp khác	56.132.792.580	72.381.480.648
Cộng	<u>150.257.022.925</u>	<u>154.713.404.105</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thành	-	1.750.309.672
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Năm	577.368.906	4.970.575
Các khách hàng khác	11.180.476	273.367.473
Cộng	<u>588.549.382</u>	<u>2.028.647.720</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.978.402.499	32.142.877.754	(24.586.015.148)	2.578.460.107	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.032.153	-	11.747.772.709	(6.853.921.466)	4.992.883.396	-
Thuế thu nhập cá nhân	842.853.000	-	10.449.378.132	(8.950.316.470)	2.341.914.662	-
Thuế nhà đất	-	-	12.562.963	(12.562.963)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	7.500.000	(7.500.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	136.711.200	(136.711.200)	-	-
Cộng	941.885.153	4.978.402.499	54.496.802.758	(40.547.027.247)	9.913.258.165	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu	:	0%
- Đường kết tinh, nước sạch	:	5%
- Hàng hóa còn lại	:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	58.738.863.544	69.139.356.705
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thu nhập tính thuế	58.738.863.544	69.139.356.705
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.747.772.709	13.827.871.341

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương còn phải trả cho người lao động	6.792.739.454	9.609.970.510
Cộng	6.792.739.454	9.609.970.510

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>869.516.240</i>	<i>628.722.573</i>
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ủy thường Ban điều hành	869.516.240	628.722.573
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.731.148.649</i>	<i>1.131.800.623</i>
Kinh phí công đoàn	1.670.636.383	1.071.288.357
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	60.512.266	60.512.266
Cộng	2.600.664.889	1.760.523.196

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	44.279.127.285	11.598.003.333
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	-	9.413.136.340
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	28.025.027.156
Cộng	44.279.127.285	49.036.166.829

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Số cuối kỳ là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2020/HM-SANEST ngày 01 tháng 6 năm 2020, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020, thời gian vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay quy định theo từng lần nhận nợ.

Hợp đồng vay này được bảo lãnh bởi bên thứ ba là Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yên sào Khánh Hòa (là bên liên quan) với tổng giá trị bảo lãnh là 110.000.000.000 VND.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay hạn mức số 10/2020-HĐCVHM/NHCT580-KHDNL-SANEST ngày 01 tháng 6 năm 2020, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 31/5/2021, thời gian vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay quy định theo từng lần nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hợp đồng vay này được bảo lãnh bởi bên thứ ba là Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yên sào Khánh Hòa (là bên liên quan).

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay số 26400.18.800.3635296.TD ngày 12 tháng 8 năm 2019, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, tổng hạn mức cho vay là 75.000.000.000 VND (trong đó hạn mức 1 là 25.000.000.000 VND, hạn mức 2 là 50.000.000.000 VND chỉ được giải ngân nếu vượt quá hạn mức 1), thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 20/4/2020, thời gian vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay quy định theo từng lần nhận nợ.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	49.036.166.829	25.835.766.920
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	145.701.167.429	243.941.052.868
Số tiền vay đã trả	(150.458.206.973)	(220.364.917.440)
Số cuối kỳ	44.279.127.285	49.411.902.348

16b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(iv)	9.765.276.053	6.272.252.000
Cộng	9.765.276.053	6.272.252.000

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay dài hạn.

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số cho vay từng lần trung dài hạn số 2019/TDH.KTP/SANEST ngày 03 tháng 7 năm 2019, mục đích vay là thanh toán chi phí phát sinh liên quan đến việc cải tạo kho thành phẩm xường sản xuất tại nhà máy nước giải khát cao cấp Yên sào, hạn mức cho vay là 3.600.000.000 VND;
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2019/TDH.XLNT/SANEST ngày 03 tháng 7 năm 2019, mục đích vay là thanh toán chi phí công trình hệ thống xử lý nước thải 600 m³ ngày đêm, hạn mức cho vay là 9.500.000.000 VND;
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2019/TDH.OCN/SANEST ngày 03 tháng 7 năm 2019, mục đích vay là thanh toán chi phí công trình đường ống cấp nước từ đường vào Nhà máy xi măng đến Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa, hạn mức cho vay là 4.700.000.000 VND;
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2019/TDH.TB/SANEST ngày 03 tháng 7 năm 2019, mục đích vay là thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định (hệ thống máy chiết rót và ghép mí lon 190ml công suất 12.000sp/giờ và Hệ thống máy rửa, chiết rót và vận nắp lọ 62 ml công suất 8.000 sp/giờ), hạn mức cho vay là 9.700.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn duy trì hạn mức các hợp đồng nêu trên là 12 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng vay, thời gian vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay trong năm đầu tiên là 9,2%/năm, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi.

Các hợp đồng vay này được đảm bảo thanh toán bằng cầm cố các tài sản sau:

- Tài sản hình thành trong tương lai là Hệ thống chiết rót và ghép mí lon 190 ml công suất 12.000 sp/giờ và Hệ thống máy rửa, chiết rót và nắp vận lọ 62 ml công suất 8.000 sp/giờ theo Hợp đồng số 13423/NHVL-SANEST ngày 23/4/2019 giữa Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa và Liên danh Công ty TNHH Thiết bị đóng gói Nhân Hòa - Công ty TNHH Công nghệ Vũ Lê;
- Một số máy móc thiết bị có giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 40.556.731.660VND (xem thuyết minh số V.7).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trên 1 năm đến 5 năm	9.765.276.053	6.272.252.000
Cộng	9.765.276.053	6.272.252.000

Phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.272.252.000	-
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	4.213.024.053	-
Số tiền vay đã trả	(720.000.000)	-
Số cuối kỳ	9.765.276.053	-

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	330.000.000.000	6.218.104.399	73.346.219.819	409.564.324.218
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018	-	-	(73.326.000.000)	(73.326.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	55.311.485.364	55.311.485.364
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.765.574.268	(2.765.574.268)	-
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(1.106.229.708)	(1.106.229.708)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(13.827.871.341)	(13.827.871.341)
Số dư cuối kỳ trước	330.000.000.000	8.983.678.667	37.632.029.866	376.615.708.533

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	330.000.000.000	11.763.410.829	75.436.387.278	417.199.798.107
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	46.991.090.835	46.991.090.835
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.349.554.542	(2.349.554.542)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(11.747.772.709)	(11.747.772.709)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	(939.821.817)	(939.821.817)
Số dư cuối kỳ này	330.000.000.000	14.112.965.371	107.390.329.045	451.503.294.416

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yên Sào Khánh Hòa	168.500.000.000	168.500.000.000
Các cổ đông khác	161.500.000.000	161.500.000.000
Cộng	330.000.000.000	330.000.000.000

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020 vốn điều lệ đã được góp đủ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 330.000.000.000 VND.

17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.000.000	33.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận trong kỳ như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 939.821.817
• Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	: 2.349.554.542
• Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 11.747.772.709

Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua Nghị quyết số 01/2020-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc chi cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 75.405.000.000 VND. Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 07/NQ-SKH ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc chi trả cổ tức vào ngày 24 tháng 7 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Nguồn kinh phí

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	823.500	-
Số được cấp trong kỳ ⁽ⁱ⁾	350.000.000	750.000.000
Hoàn trả lại tiền được cấp	-	(250.000.000)
Thanh toán cho dự án	<u>(167.228.200)</u>	-
Số cuối kỳ	<u>183.595.300</u>	<u>500.000.000</u>

(i) Kinh phí được cấp theo Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ giữa Công ty và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền chỉ có 26.800,08 USD (số đầu năm là 1.125,98 USD USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Doanh thu thuần

	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	302.952.541.567	482.803.813.803	780.588.089.298	995.685.788.142
Doanh thu bán hàng hóa	14.191.048.874	25.218.900.726	26.046.939.119	31.485.831.013
Doanh thu bán nguyên vật liệu	134.770.000	276.548.900	134.770.000	695.587.207
Doanh thu khác	358.602.555	2.361.985.316	707.362.520	7.350.312.761
Tổng doanh thu	<u>317.636.962.996</u>	<u>510.661.248.745</u>	<u>807.477.160.937</u>	<u>1.035.217.519.123</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	(157.108.000)	-
Doanh thu thuần	<u>317.636.962.996</u>	<u>510.661.248.745</u>	<u>807.320.052.937</u>	<u>1.035.217.519.123</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày tại thuyết minh số V.10, Công ty còn phát sinh các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	170.168.296.042	260.931.112.627	438.322.687.599	595.609.923.327
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	7.394.023.580	7.964.521.728	15.470.220.280	24.398.758.303

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	1.173.718.984	7.554.367.894	5.994.146.947	14.545.268.233
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	178.070.600	5.425.863.800	3.000.574.300	10.847.865.300
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây Dựng Sanatech Land	798.433.400	2.513.749.600	1.984.538.300	4.477.253.100
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa Lâm Đồng	283.920.000	3.350.316.500	348.256.000	6,833,722,400
Công ty TNHH MTV Nông Trường Dừa Cam Thịnh	681.411.900	3.311.974.600	889.731.900	4.768.658.800

2. Giá vốn hàng bán

	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	238.629.066.506	384.867.883.409	614.042.131.293	794.331.342.063
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.791.868.417	24.007.512.456	22.351.423.073	29.533.011.570
Giá vốn của nguyên vật liệu	134.587.349	276.177.808	134.587.349	693.336.987
Giá vốn khác	357.663.709	2.323.074.256	706.243.767	7.296.246.871
Cộng	250.913.185.981	411.474.647.929	637.234.385.482	831.853.937.491

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	440.589.633	360.014.645	453.350.535	47.649.259
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	109.267	11.437.335	109.267	52.438.265
Cộng	440.698.900	47.451.980	453.459.802	100.087.524

4. Chi phí tài chính

	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	473.659.742	684.470.153	1.214.841.646	1.445.421.330
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	684.989	150.078.753	684.989	151.603.731
Cộng	474.344.731	834.548.906	1.215.526.635	1.597.025.061

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.623.476.373	5.802.390.374	9.192.133.128	12.137.071.374
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, dụng cụ	1.995.885.778	3.229.122.493	7.404.841.574	6.470.970.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	83.508.791	83.508.791	173.627.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.181.389.105	7.411.239.864	14.300.907.718	17.008.495.737
Các chi phí khác	19.742.330.275	33.438.881.680	53.235.528.706	62.796.045.939
Cộng	31.543.081.531	49.965.143.202	84.216.919.917	98.586.211.182

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.987.488.772	14.639.431.361	15.893.801.485	22.476.323.988
Chi phí vật liệu quản lý	379.384.281	310.707.266	1.052.385.105	922.802.512
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	107.410.314	116.003.458	214.820.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.325.627.258	1.836.491.383	4.009.056.967	4.576.159.434
Các chi phí khác	506.006.212	(3.087.289.085)	6.134.646.998	5.978.464.263
Cộng	10.198.506.523	13.806.751.239	27.205.894.013	34.168.570.825

7. Thu nhập khác

	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhận hỗ trợ	-	-	539.050.002	-
Thu nhập từ xử lý kết quả kiểm kê	15.860.650	6.140.000	299.013.650	6.140.000
Thu nhập khác	13.200	1.500.000	13.200	21.500.000
Cộng	15.873.850	7.640.000	838.076.852	27.640.000

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	214.903.444.186	264.063.912.923	486.783.992.088	566.701.958.366
Chi phí nhân công	40.874.959.515	56.605.934.030	81.265.686.580	94.156.342.441

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	5.233.104.265	5.340.135.262	10.454.946.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.248.135.619	11.619.062.849	22.314.583.483	27.373.609.587
Chi phí khác	20.562.034.523	34.100.781.867	64.548.787.928	74.402.077.243
Cộng	284.588.573.843	371.622.795.934	660.253.185.341	773.088.934.111

9. Lãi trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.15.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng	1.339.078.164	1.739.380.864
Thù lao	187.200.000	187.200.000
Cộng	1.526.278.164	1.926.580.864

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51,06% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Công ty con của Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa Lâm Đồng	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày tại thuyết minh số V.10 cũng như giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch quan trọng khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa		
Công ty chi trả cổ tức	-	37.440.700.000
Mua hàng hóa, dụng cụ	6.886.916.887	9.441.949.876
Thuê xe vận chuyển	1.445.454.546	1.445.454.546
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa		
Mua hàng hóa, dụng cụ và thành phẩm nước yến	24.338.282.116	49.389.987.807

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Cung ứng vật tư nguyên liệu Khánh Hòa		
Mua hàng hóa	190.500.000.000	206.250.000.000
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa		
Mua hàng hóa, công cụ	4.033.255.279	15.967.348.409
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Mua xăng dầu và dịch vụ khác	5.539.581.680	7.332.606.551
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
Phí tư vấn, sửa chữa	83.678.181	124.296.364
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Dịch vụ thuê xe, tổ chức hội nghị	-	177.295.455
Mua dịch vụ du lịch	-	795.909.909
Mua giỏ quà, vé tour	-	81.799.999
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Mua vé ẩm thực	-	18.000.000

Ngoài ra, Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa còn bảo lãnh khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.16a).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. Thông tin so sánh

Khoản mục “Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ” (mã số 01) và “Các khoản giảm trừ doanh thu” (mã số 02) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước đã được trình bày lại (cùng giảm số tiền 47.385.535.205 VND) do sai sót trong kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)


4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

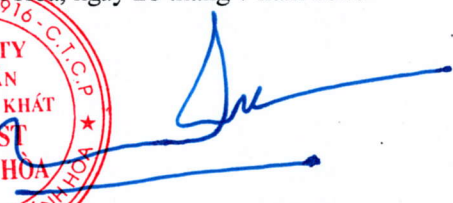
Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2020



Ngô Thị Hương Liên
Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc



Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

